

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DSTC-ST  
Ngày 19 tháng 10 năm 2022.  
V/v: “T/C hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Văn Chiêm  
2. Ông Hứa Văn Chế

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Mông Thu Hường - Thư ký viên  
Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị My Huyền - Kiểm sát viên

Trong các ngày 24 tháng 8 năm 2022 và ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST - DSTC ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐST-DSTC ngày 11/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DSTC ngày 28 tháng 7 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/QĐ-DSST ngày 24/8/2022, Thông báo về việc tiếp tục xét xử vụ án số 01/TB-TA ngày 28/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T; địa chỉ: SN 14, đường L, tổ 11, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị H; địa chỉ; SN 07, đường P; tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

**NHẬN THẤY**

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, bản tự khai ngày 10/01/2022 và quá trình giải quyết nguyên đơn anh Ttrình bày:

Do anh và chị H có quen biết và cùng làm ăn với nhau từ trước, nên từ tháng 6/2020 anh có cho chị H vay tiền, việc cho vay được thực hiện làm nhiều lần, cụ thể số lần vay và số tiền vay anh không nhớ rõ từng lần. Đến ngày 25/10/2020 giữa

anh và chị H cùng nhau chốt lại số tiền chị H còn nợ của anh là 2.900.000.000đ (*Hai tỷ chín trăm triệu đồng*), lãi suất hai bên tự thỏa thuận, không ghi vào giấy vay tiền. Việc chốt số nợ được chị H tự viết và xác nhận bằng “Giấy vay tiền mặt” ngày 25/10/2020, thời hạn chị H hẹn trả tiền là ngày 25/3/2021, hai bên cùng ký xác nhận khoản nợ vào giấy vay tiền nêu trên. Đến thời hạn trả nợ, chị H không trả tiền cho anh, anh đến nhà chị H đòi nợ nhiều lần nhưng chị H đều khất nợ với lý do chờ chị H bán đất, bán nhà để trả nợ, nhưng đến nay chị H vẫn chưa trả cho anh số tiền anh đã cho chị H vay là 2.900.000.000đ. Do đó T đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H phải thanh toán cho anh số tiền nợ 2.900.000.000đ và không đề nghị giải quyết khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 26/3/2021 đến ngày xét xử.

- Bị đơn, chị Ngô Thị H trình bày: Chị H xác nhận việc chị và anh T quen biết, chơi với nhau từ lâu và có cùng làm ăn chung với nhau từ năm 2020. Chị H xác nhận chị có vay tiền của anh T nhiều lần và hai bên thỏa thuận tính lãi từ 2.000đ - 4.000đ/ngày, 10 ngày thanh toán một lần (thỏa thuận miệng). Đến tháng 11/2020 chị có thu hộ anh T tiền “bát họ” của nhân viên trong quán Cafe Nhớ (do chị làm thu ngân ở quán), lãi thanh toán trong ngày, bình quân mỗi ngày chị thanh toán cho anh T khoảng 24.200.000đ. Tính từ thời điểm chị vay tiền của anh T là tháng 9/2020 cho đến ngày 25/10/2020, tổng số tiền chị vay của anh Trọng là 1.050.000.000đ (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu*) chị đã trả cho anh T tổng số tiền 985.650.000đ (*Chín trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó trả qua tài khoản 661.650.000đ và trả tiền mặt tại quán từ ngày 13/10/2020 đến ngày 25/3/2021 là 324.000.000đ. Chị H xác nhận hiện tại chị còn nợ anh T số tiền là 64.350.000đ và tiền “bát họ” của nhân viên trong quán cafe Nhớ khoảng hơn 300.000.000đ. Tại phiên tòa chị H khai còn nợ anh T là 466.000.000đ (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu*).

Đối với giấy vay tiền ngày 25/10/2020 ghi số tiền vay 2.900.000.000đ, chị H xác nhận chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền là do chị viết và chữ ký đúng là của chị, nhưng dòng chữ ghi “Số tiền bằng chữ: 2 tỷ 900 triệu đồng” không phải là do chị viết. Chị H trình bày việc chị viết và ký giấy vay nợ này là do chị làm ăn bị thua lỗ dẫn đến nợ nần không trả được, khi đó anh T có đến đón và đưa chị lên khu vực D40, thuộc phường N, TP H, anh T đưa cho chị viết và ký vào giấy vay tiền nêu trên, việc viết giấy vay nợ thực hiện trên xe ô tô của anh T, nhưng để trông số tiền. Do chị lo sợ gia đình phát hiện việc chị nợ nần nhiều, nên chị nghe theo anh T viết và ký vào “Giấy vay tiền mặt” ngày 25/10/2020, nhưng thực tế số tiền chị vay của anh Trọng chỉ là 1.050.000.000đ và tiền bát họ của nhân viên quán cafe. Chị H khẳng định chị là người nhận tiền “bát họ” của anh T đưa cho chị và đưa cho những người tham gia “bát họ” khác, cụ thể tiền “bát họ” của ai chị không nhớ rõ vì rất nhiều người tham gia nên không xác định được số tiền bát họ đã đưa cho ai và tổng số tiền bao nhiêu tiền.

Quan điểm của chị H: Chị H xác nhận hiện đang còn nợ của anh T số tiền là 466.000.000đ và chỉ đồng ý trả số nợ này cho anh T. Không nhất trí với việc anh T đòi số tiền 2,9 tỷ đồng theo giấy vay nợ ngày 25/10/2020 theo đơn khởi kiện của anh T.

Tòa án thực hiện việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hai bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị H phải trả số tiền gốc 2,9 tỉ và không yêu cầu trả lãi suất. ,

- Bị đơn: Chị H không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc khởi kiện đòi số tiền 2,9 tỷ đồng. Chị H đồng ý trả cho anh T số tiền 466.000.000đ.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; xác định tư cách tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại Điều 68, 71, 72 BLTTDS; thu thập, xác minh chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn theo quy định tại điều 220 BLTTDS, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên toà: Tại phiên toà HDXX, thư ký phiên toà đã đảm bảo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị H trả cho anh T số tiền gốc là 2,9 tỷ đồng.

- Về án phí: Buộc chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Anh T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh T.

## **XÉT THẤY**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Văn T; địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Ngô Thị H; địa chỉ: Tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu chị Ngô Thị H phải trả số nợ 2,9 tỷ đồng. Như vậy, xác định tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản và là tranh chấp dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu đòi nợ của anh Lê Văn T là có cơ sở, quá trình giải quyết anh T đã xuất trình chứng cứ xác nhận việc chị H có vay của anh số tiền 2.900.000.000đ (*Hai tỉ chín trăm hai mươi triệu đồng*) là “Giấy vay tiền mặt” được ký kết giữa anh T và chị H vào ngày 25/10/2020. Theo nội dung của “Giấy vay tiền mặt” đã xác định việc chị H đã vay của anh Trọng số tiền 2.900.000.000đ và hẹn đến tháng 25/3/2021 sẽ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H thừa nhận việc chị vay tiền của anh T nhiều lần là đúng. Đồng thời chị H xác nhận hiện nay chị đang còn nợ của anh T số tiền 466.000.000đ chưa trả.

[4]. Việc chị H cho rằng chị không được vay số tiền 2.900.000.000đ của anh T như nội dung trong giấy vay tiền ngày 25/10/2020 là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo nội dung của “Giấy vay tiền mặt” đề ngày 25/10/2020 do anh T cung cấp có nội dung chị H vay của anh T số tiền 2.900.000đ không có lãi, hẹn thời hạn trả nợ vào ngày 25/3/2021. Chị H thừa nhận chữ ký chữ viết tại giấy vay nợ do anh T cung cấp đúng là chữ ký chữ viết của chị. Mặc dù chị H khai rằng khi viết giấy vay tiền nêu trên là do khi đó chị lâm vào tình trạng nợ nần nhiều nên muốn giấu gia đình, sợ anh T nói cho gia đình việc chị nợ nần nhiều nên chị mới viết giấy vay tiền với anh T và số tiền 2.900.000.000đ là không đúng với số tiền thực tế chị nợ của anh T. Tuy nhiên, chị H không có chứng cứ chứng minh cho việc chị bị ép buộc phải viết giấy vay nợ với anh T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự những tình tiết sự kiện không phải chứng minh là “một bên đương sự thừa nhận...”, như vậy, việc chị H xác nhận đã ký, viết vào giấy vay tiền ngày 25/10/2020 là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Chị H không xuất trình được chứng cứ chứng minh chị đã trả cho anh T số tiền 985.650.000đ trong đó trả qua tài khoản 661.650.000đ và tiền mặt trả tại quán từ ngày 13/10/2020 đến ngày 25/3/2021 là 324.000.000đ.

[5]. Việc chị H khẳng định đã trả cho T số tiền vay nhiều lần qua tài khoản của các ngân hàng, nhưng anh T không thừa nhận số tiền hai bên đã giao dịch qua các tài khoản ngân hàng với chị H là tiền thanh toán nợ. Bởi vì, chính anh T cũng chuyển tiền cho chị H nhiều lần qua các tài khoản tại các ngân hàng Agribank - Chi nhánh Hà Giang, Ngân hàng Viettin Bank- Chi nhánh Hà Giang, ngân hàng BDV - Chi nhánh Hà Giang. Mặt khác quá trình giải quyết anh T và chị H đều xác nhận có làm ăn với nhau, như vậy việc chuyển tiền cho nhau qua các tài khoản tại các ngân hàng được xác định là tiền giao dịch trong việc làm ăn với nhau

của anh T và chị H, không phải là khoản tiền trả cho số nợ 2, 9 tỉ theo giấy vay tiền ngày 25/10/2020 như chị H khai.

[6]. Qua kiểm tra tài liệu chứng cứ do hai bên đương sự và các ngân hàng Agribank, Viettinbank, BIDV Hà Giang cung cấp về việc chuyển tiền qua ngân hàng giữa anh T và chị H. Thấy rằng, từ thời viết giấy vay nợ từ ngày 25/10/2020 giữa anh T và chị H có nhiều lần chuyển tiền qua tài khoản tại các ngân hàng nêu trên cho nhau. Như tại Agribank Hà Giang số lần chị H chuyển tiền cho anh T là 13 lần, tổng số tiền chuyển là 160.450.000đ; số lần anh T chuyển cho chị H là 11 lần tổng số tiền chuyển là 484.200.000đ. Như vậy, số tiền anh T chuyển cho chị H tại Agribank- Chi nhánh Hà Giang nhiều hơn số tiền chị H chuyển cho anh T. Việc chuyển tiền của chị H và anh T tại các ngân hàng khác, do các ngân hàng không cung cấp số chuyển khoản đầy đủ cụ thể nên không xác định được. Như vậy, đủ cơ sở xác định lời khai của anh T về việc giao dịch chuyển tiền với chị H qua các tài khoản là tiền do hai bên làm ăn với nhau, không phải là tiền chị H trả cho khoản vay 2.900.000.000đ của anh T là phù hợp. Lời khai của chị Hồng về việc đã trả nợ số tiền đã vay cho anh T qua tài khoản số tiền là 661.650.000đ là không có căn cứ chấp nhận.

[7]. Đối với đề nghị của chị H về việc giám định chữ viết “2 tỷ 900 triệu” tại giấy vay tiền ngày 25/10/2020. Tòa án đã thông báo hợp lệ cho chị H biết việc chị phải nộp tạm ứng án phí giám định, nhưng chị H không nộp tạm ứng theo quy định của pháp luật. Như vậy, được coi là chị H từ bỏ đề nghị giám định các chữ viết “2 tỷ 900 triệu” tại giấy vay tiền mặt nêu trên. Do đó, có căn cứ xác định “Giấy vay tiền mặt” được ký kết giữa anh T và chị H vào ngày 25/10/2020 xác nhận số tiền chị H nợ 2.900.000.000đ của anh T là hợp pháp, nên chấp nhận.

[8]. Quá trình giải quyết tại phiên tòa anh Trọng rút yêu cầu giải quyết phần lãi suất của khoản vay. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Từ những phân tích trên tại các mục [3], [4], [5],[6], [7], [8], Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc chị H phải trả cho anh T số tiền là 2.900.000.000đ (*Hai tỉ chín trăm triệu đồng*).

[10]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể: 2.000.000.000đ là 72.000.000đ (1); 900.000.000đ x 2% = 18.000.000 (2). Tổng số (1)+ (2) là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*). Anh T không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 470, Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm d khoản 1.3, 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Xử: Buộc chị Ngô Thị H phải trả cho anh Lê Văn T số tiền là 2.900.000.000đ (*Hai tỉ chín trăm triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật (đối với trường hợp cơ quan THA có quyền chủ động ra quyết định THA) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được THA (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3 Án phí: Buộc chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Trả lại cho anh Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí 45.000.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, Biên lai thu số 0000636 ngày 03/01/2022.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- CC THADS TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Bình**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Minh Tư + Đặng Thế Phong**

**Lê Thị Thanh Bình**